

Số: 160/QĐ-UBND

Tuần Giáo, ngày 07 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án:
Đầu tư di chuyển dân cư từ nơi nguy cơ sạt lở cao, đời sống đặc biệt khó
khăn các bản Hua Mức 1, Hua Mức 2, Pú Si 2 đến định cư tại
bản Hua Mức 2, xã Mừng Mùn - huyện Tuần Giáo**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 10/10/2009 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND tỉnh Điện Biên V/v ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Điện Biên. V/v Ban hành bảng giá các loại đất và quy định áp dụng bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 30/5/2011 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về tài sản (nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng và vật nuôi) trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ QĐ số 02/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của UBND tỉnh Điện Biên v/v ban hành Quy định về lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Phê duyệt dự án đầu tư di chuyển dân cư nơi nguy cơ sạt lở cao,

đời sống ĐBKK thuộc các bản Hua Mức 1, Hua Mức 2, Pú Si 2 đến định cư tại bản Hua Mức 2, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo;

Xét các Báo cáo kết quả thẩm định số 03/BCTĐ-TNMT ngày 29/3/2013 của Phòng Tài nguyên & MT; Báo cáo số 05/BCTĐ-PNN ngày 28/3/2013 của phòng Nông nghiệp & PTNT; Số 16/BCTĐ-PTCKH ngày 29/3/2013 của phòng TC – KH; Số 06/BCTĐ-PCT ngày 28/3/2013 của phòng Công thương huyện về việc báo cáo kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đầu tư di chuyển dân cư từ nơi nguy cơ sạt lở cao, đời sống ĐBKK các bản Hua Mức 1, Hua Mức 2, Pú Si 2 đến định cư tại bản Hua Mức 2, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Đầu tư di chuyển dân cư từ nơi nguy cơ sạt lở cao, đời sống đặc biệt khó khăn các bản Hua Mức 1, Hua Mức 2, Pú si 2 đến định cư tại bản Hua Mức 2 - xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo - Tỉnh Điện Biên như sau:

I. Tổng số hộ bị thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư là: 5 hộ

Trong đó:

- Bản Hua Mức 1: 2 hộ
- Bản Hua Mức 2: 3 hộ

II. Tổng diện tích đất thu hồi để xây dựng khu TĐC: 44.516,10 m²

- Diện tích đất đủ điều kiện BT, HT: 44.516,10 m²
- Diện tích đất không đủ điều kiện BT, HT: 0,0 m²

Trong đó:

- Bản Hua Mức 1: 29.406,10 m²
- Bản Hua Mức 2: 15.110,0 m²

Loại đất: Đất nông nghiệp: (đất trồng lúa nương, đất nương ngô).

III. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 990.882.638 đồng.

1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 943.697.750 đồng

Trong đó:

- Bồi thường về đất: 712.257.600 đồng.
- Bồi thường về cây cối hoa màu: 116.140.150 đồng.
- Chính sách hỗ trợ: 115.300.000 đồng.

2. Kinh phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 47.184.888 đồng.

(Có phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nguồn kinh phí chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đầu tư di chuyển dân cư từ nơi nguy cơ sạt lở cao, đời sống đặc biệt khó khăn

các bản Hua Mức 1, Hua Mức 2, Pú Si 2 đến định cư tại bản Hua Mức 2 - xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo.

Giao cho chủ đầu tư (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tuần Giáo) phối hợp với hội đồng BT, HT&TĐC dự án, UBND xã Mường Mùn, tổ chức chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt cho các đối tượng được bồi thường và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí bồi thường theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thể quyết định số: 918/QĐ-UBND ngày 05/12/2012 của UBND huyện Tuần Giáo về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đầu tư di chuyển dân cư từ nơi nguy cơ sạt lở cao, đời sống đặc biệt khó khăn các bản Hua Mức 1, Hua Mức 2, Pú Si 2 đến định cư tại bản Hua Mức 2, xã Mường Mùn - huyện Tuần Giáo. Chánh văn Phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND xã Mường Mùn, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các cá nhân có tên trong phương án bồi thường, hỗ trợ và TĐC được phê duyệt tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**K T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phi Long

Nguyễn Phi Long

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT
KHU QUY HOẠCH DI CHUYỂN DÂN ĐẾN TÀI ĐỊNH CƯ TẠI BẢN HUA MỨC 2
XÃ MƯỜNG MÙN - HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo biên bản họp thống nhất kết quả tính toán số: 02/BB-HĐBT ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện)

T	HẠNG MỤC ĐỀ BÙ	ĐV TÍNH	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MỨC BỒI THƯỜNG
	Tổng				943.697.750	
I	Bản Hua Mức 1				580.742.750	
1	Vàng Vả Làng				549.026.200	
<i>a</i>	Đất	<i>m2</i>	27.799,80		444.796.800	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương lúa)(H6)	m2	18.500,0	16.000	296.000.000	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương ngô)(H6)		9.299,80	16.000	148.796.800	
<i>b</i>	Cây cối hoa màu				74.149.400	
-	Sản lượng lúa	m2	18.500,0	2.500	46.250.000	
-	Sản lượng ngô	m2	9.299,80	3.000	27.899.400	
<i>c</i>	Chính sách hỗ trợ				30.080.000	
-	Thưởng tiền độ giao mặt bằng				2.000.000	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống(30kg*6*12)	Kg	2.160,0	13.000	28.080.000	<i>HGD có 6 Khẩu</i>
2	Giàng A Chứ				31.716.550	
<i>a</i>	Đất				25.700.800	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương)(H6)	m2	1.606,30	16.000	25.700.800	
<i>b</i>	Cây cối hoa màu				4.015.750	
-	Sản lượng lúa	m2	1.606,30	2.500	4.015.750	
<i>c</i>	Chính sách hỗ trợ				2.000.000	
-	Thưởng tiền độ giao mặt bằng				2.000.000	
II	Bản Hua Mức II				362.955.000	
1	Sùng A Sủ				32.992.300	
<i>a</i>	Đất				20.732.800	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương)(H6)	m2	1.295,80	16.000	20.732.800	
<i>b</i>	Cây cối hoa màu				3.239.500	
-	Sản lượng lúa	m2	1.295,80	2.500	3.239.500	
<i>c</i>	Chính sách hỗ trợ				9.020.000	
-	Thưởng tiền độ giao mặt bằng				2.000.000	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống(30kg*3*6)	Kg	540,0	13.000	7.020.000	<i>HGD có 3 Khẩu</i>
2	Sùng A Súa				307.847.650	
<i>a</i>	Đất	<i>m2</i>			203.630.400	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương)(H6)	m2	12.726,90	16.000	203.630.400	
<i>b</i>	Cây cối hoa màu				32.017.250	
-	Sản lượng lúa	m2	12.726,90	2.500	31.817.250	
-	Cây gỗ dổi (D=80 cm)	cây	2,0	100.000	200.000	
<i>c</i>	Chính sách hỗ trợ				72.200.000	
-	Thưởng tiền độ giao mặt bằng				2.000.000	

-	Hỗ trợ ổn định đời sống(30kg*15*12)	Kg	5.400,0	13.000	70.200.000	HGD có 15 khẩu
3	Giàng A Hờ				22.115.050	
a	Đất				17.396.800	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương)(H6)	m2	1.087,30	16.000	17.396.800	
b	Cây cối hoa màu				2.718.250	
-	Sản lượng lúa	m2	1.087,30	2.500	2.718.250	
c	Chính sách hỗ trợ				2.000.000	
-	Thưởng tiền độ giao mặt bằng				2.000.000	

* Tổng kinh phí bồi thường, HT&TĐC	990.882.638 đ
Kinh phí bồi thường, hỗ trợ	943.697.750 đ
- Bồi thường về đất	712.257.600 đ
- Cây cối hoa màu	116.140.150 đ
- Chính sách hỗ trợ	115.300.000 đ
Chi phí công tác tổ chức thực hiện BT,HT&TĐC	47.184.888 đ

- Hỗ trợ ổn định đời sống bằng 30 kg gạo tẻ trung bình/1 nhân khẩu
(Giá gạo tẻ trung bình 1kg = 13.000 đồng)

Trong đó:

- + Thu hồi 30 - 70% diện tích quản lý sử dụng hỗ trợ 6 tháng lương thực
- + Thu hồi >70% diện tích quản lý sử dụng hỗ trợ 12 tháng lương thực
- + Thưởng tiền độ(Bàn giao mặt bằng sớm) Hỗ trợ 2.000đ/ m2 nhưng không quá 2.000.000 đồng/ 1 hộ

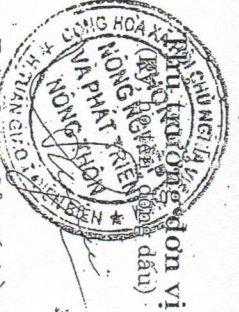
**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT
KHU QUY HOẠCH DI CHUYỂN DÂN ĐẾN TÀI ĐỊNH CƯ TẠI BẢN HUA MỨC 2
XÃ MUỜNG MÙN - HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Quyết định số: ~~160~~ 70Đ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2013 của UBND huyện Tuần Giáo)

T	HẠNG MỤC ĐÈN BÙ	ĐV TÍNH	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MỨC BỒI THƯỜNG
	Tổng số				943.697.750	
I	Bản Hua Mức 1				580.742.750	
1	Vàng Vả Làng				549.026.200	
a	Đất	m2	27.799,80		444.796.800	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương lúa)(H6)	m2	18.500,0	16.000	296.000.000	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương ngô)(H6)		9.299,80	16.000	148.796.800	
b	Cây cối hoa màu				74.149.400	
-	Sản lượng lúa	m2	18.500,0	2.500	46.250.000	
-	Sản lượng ngô	m2	9.299,80	3.000	27.899.400	
c	Chính sách hỗ trợ				30.080.000	
-	Thưởng tiền độ giao mặt bằng				2.000.000	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống(30kg*6*12)	Kg	2.160,0	13.000	28.080.000	HGD có 6 Khẩu
2	Giàng A Chứ				31.716.550	
a	Đất				25.700.800	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương)(H6)	m2	1.606,30	16.000	25.700.800	
b	Cây cối hoa màu				4.015.750	
-	Sản lượng lúa	m2	1.606,30	2.500	4.015.750	
c	Chính sách hỗ trợ				2.000.000	
-	Thưởng tiền độ giao mặt bằng				2.000.000	
II	Bản Hua Mức II				362.955.000	
1	Sùng A Sủ				32.992.300	
a	Đất				20.732.800	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương)(H6)	m2	1.295,80	16.000	20.732.800	
b	Cây cối hoa màu				3.239.500	
-	Sản lượng lúa	m2	1.295,80	2.500	3.239.500	
c	Chính sách hỗ trợ				9.020.000	
-	Thưởng tiền độ giao mặt bằng				2.000.000	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống(30kg*3*6)	Kg	540,0	13.000	7.020.000	HGD có 3 Khẩu
2	Sùng A Súa				307.847.650	
a	Đất	m2			203.630.400	
-	Đất nông nghiệp (Đất nương)(H6)	m2	12.726,90	16.000	203.630.400	
b	Cây cối hoa màu				32.017.250	
-	Sản lượng lúa	m2	12.726,90	2.500	31.817.250	
-	Cây gỗ dổi (D=80 cm)	cây	2,0	100.000	200.000	
c	Chính sách hỗ trợ				72.200.000	
-	Thưởng tiền độ giao mặt bằng				2.000.000	

Đơn vị: **PHIẾU CHI** Quyển số: **01** Mã số: **C31-BB**
 Bộ phận: Ngày ký tháng **5** năm **2013** theo QĐ số: **19/2006/QĐ-BTC**
 Mã đơn vị: **SDNS** Số: **01** Ngày 30 tháng 3 năm 2006
 của Bộ trưởng BTC

Họ, tên người nhận tiền: **Trương A Chử & Vương A Chử**
 Địa chỉ: **Sóc Thưa Múc A xã Phú Xi Huyện Thuận Giãc**
 Lý do chi: **Trai đổi giải phóng mặt bằng khu tôn đình cũ thu**
Mức 8 xã Phú Xi - Huyện Thuận Giãc
 Số tiền: **31.716.550** (Viết bằng chữ) **Ba mươi mốt triệu bảy**
trăm mười sáu nghìn năm trăm mười một đồng
 Kèm theo Chứng từ gốc
 Ngày: tháng năm 20.....



Đơn vị: **PHIẾU CHI** (Ký, họ tên) Kế toán trưởng: (Ký, họ tên) Người lập: (Ký, họ tên) Thủ quỹ: (Ký, họ tên)
 Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):
 + Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý)
 + Số tiền quy đổi:

[Handwritten signature]
[Handwritten signature]
[Handwritten signature]

10 2 13

01

PHIẾU CHỈ

Quyển số: 01

Mẫu số: CS1-BB

Bộ phận:

Mã đơn vị SDNS:

Ngày: 21 tháng 5 năm 2013

Số: 03

theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC
ngày 30 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

Họ, tên người nhận tiền: Sung A Sơn

Địa chỉ: Ấp Thôn Mới xã Phú Lễ - Huyện Thuận Giao

Lý do chi: Đã lên GPMB khu tái định cư thôn Mới xã Phú Lễ

Số tiền: 30.784.650 (Viết bằng chữ: Ba mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng chẵn)

Kèm theo: Đã có biên bản họp nhận đất tái định cư thôn Mới xã Phú Lễ

Chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

Ngày: 21 tháng 5 năm 2013

Người nhận

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)



[Handwritten signature]
Sung A Sơn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....
+ Số tiền quy đổi.....

Mẫu số: CS1 - BB
theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC
ngày 30 tháng 3 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

Đơn vị:
Bộ phận:
Mã đơn vị SDNS: Ngày: 29 tháng 5 năm 2013

Quyển số: 01
Số: 01
Số: 01
Số: 01

Họ, tên người nhận tiền: Trương A. Hồ

Địa chỉ: Ban Thôn Nước 2 xã Phú Xi - Huyện Thuận Giảo

Lý do chi: Xả tiền giới phong mại bằng tiền tại địa phương

Thư Mục 2 xã Phú Xi Huyện Thuận Giảo

Số tiền: 22.115.050 (viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu một trăm mười năm nghìn chòm trăm mười đồng)

Kèm theo: Chứng từ gốc: Ngày: 29 tháng 5 năm 2013

Phụ tá trưởng đơn vị (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người lập (Ký, họ tên) Người nhận (Ký, họ tên) Thủ quỹ (Ký, họ tên)



Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

PHIẾU CHI

VIỆN CHẾ ĐỘ THUẾ

Phê duyệt số: 19/2006/QĐ-BTC

ngày 30 tháng 3 năm 2006

của Bộ trưởng/BTC

Bộ phận:

Mã đơn vị SDNS

Ngày: 29 tháng 5 năm 2015

Số: 01

NO

00

Họ, tên người nhận tiền: Vương Văn Long

Địa chỉ: Khu phố An Lạc xã Phú Xuân Huyện Thuận Thành

Lý do chi: Chi lương tháng 5 năm 2015

Xã Phú Xuân Huyện Thuận Thành

Số tiền: 5.490.260,00

Viết bằng chữ: Năm triệu bốn trăm sáu mươi

lăm ngàn bốn trăm sáu mươi đồng chẵn

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 29 tháng 5 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)



Đã thanh toán tiền (viết bằng chữ)

Ty Bưu điện (Vàng bạc, đá quý)

Số tiền quy đổi:

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]